

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 07-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Linh.

Ông Phạm Kiên Trung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Danh Que Xa N1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Danh Que Xa N1: Chị Nguyễn Minh T; địa chỉ ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Lê Hồng K, sinh năm 1975;

2. Bà Lê Thị Thanh N2, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 25 tháng 02 năm 2022 của nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 31/12/2020, chị Danh Que Xa N1 có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi thủy sản cho ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 bao gồm các loại thức ăn và thuốc thủy sản. Theo hợp đồng thì chị N1 sẽ giao hàng cho ông K và bà N2 nuôi tôm sau khi thu hoạch tôm thì ông K và bà N2 sẽ trả đủ tiền cho chị N1. Chị N1 đã thực hiện đúng hợp đồng, giao thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông K và bà N2 theo đúng đơn hàng của ông K và bà N2 yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông K và bà N2 đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên chị N1. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông K và bà N2 đã không trả đủ tiền cho chị N1 theo hợp đồng. Tại Bảng đối chiếu xác nhận công nợ lập ngày 29/3/2021 thì ông K và bà N2 còn nợ chị N1 số tiền là 118.290.000 đồng, ông K và bà N2 trả sản phẩm 01 chai thuốc thủy sản với số tiền 320.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 117.970.000 đồng. Chị N1 nhiều lần yêu cầu ông K và bà N2 trả nợ, nhưng từ đó đến nay ông K và bà N2 chỉ hứa rồi không thực hiện việc trả nợ cho chị N1.

Nay chị N1 yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị N1 số tiền nợ gốc 117.970.000 đồng và phải trả thêm tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/ năm, tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi ông K và bà N2 trả dứt nợ cho chị N1 theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Hồng K trình bày:

Vào tháng 12 năm 2020, ông K có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của chị Danh Que Xa N1 như nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tính đến nay, ông K chỉ còn nợ chị N1 số tiền là 58.000.000 đồng, ông K xác định đây là nợ chung của ông K và vợ tên Lê Thị Thanh N2, ông K nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình, hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản là do ông K ký, bà N2 không có ký tên vào hợp đồng. Nay ông K và vợ là bà N2 chỉ đồng ý trả số tiền là 58.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 117.970.000 đồng theo yêu cầu của chị N1. Nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, ông K làm ăn thua lỗ không có khả năng trả, ông K xin chị N1 cho ông K và bà N2 hẹn đến ngày 30/8/2022 ông K sẽ trả đủ cho chị N1 một lần số tiền là 58.000.000 đồng, ông K đề nghị chị N1 không tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Ông K thừa nhận ông K có ký xác nhận trong giấy nhận nợ với số tiền 117.970.000 đồng, nhưng xác nhận đó là do ông K và bên chị N1 có thỏa thuận chỉ xác nhận nợ, trên thực tế trong hợp đồng ông K và bà N2 chỉ còn nợ 58.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn bà Lê Thị Thanh N2 trình bày:

Bà Lê Thị Thanh N2 là vợ của ông Lê Hồng K. Bà N2 thống nhất với lời khai ngày 05/5/2022 của ông Lê Hồng K đã khai tại Tòa án. Tính đến nay, vợ chồng bà N2, ông K còn nợ bà Danh Que Xa N1 (chủ hộ kinh doanh T) số tiền 58.000.000 đồng. Việc giao dịch, ký nhận đều do ông K thực hiện với bên T. Nay do điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn, bà N2 xin trả dần số tiền còn nợ 58.000.000 đồng trong 02 năm dứt nợ, năm đầu trả 30.000.000 đồng, năm sau trả hết số nợ còn lại.

*** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn Lê Hồng K, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Lê Thị Thanh N2 chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn, thuốc thú y để nuôi thủy sản là 117.970.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Danh Que Xa N1 nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 cùng cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K, bà N2 phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ. Chị N1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị N1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy

định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị Thanh N2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Thanh N2.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 117.970.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực đến khi trả hết nợ cho chị N1. Tuy nhiên, ông K và bà N2 cho rằng trừ số tiền chiết khấu theo hợp đồng thì ông K và bà N2 chỉ còn nợ chị N1 số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản còn lại 58.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Hồng K đã thừa nhận chữ ký trong Bảng xác nhận công nợ lập ngày 29/3/2022 là chữ ký, chữ viết của ông K tại mục khách hàng và chữ ký trong cuốn sổ (tập học sinh) tại mục ký tên (ghi rõ họ tên), tại mục ngày 29/3 là chữ ký của ông K. Theo đó tại Bảng xác nhận công nợ lập ngày 29/3/2022 thể hiện số tiền ông K, bà N2 nợ chị Na 118.290.000 đồng, cuốn sổ (tập học sinh) thể hiện công nợ số tiền 117.970.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có sự chênh lệch số tiền công nợ nêu trên là sau khi ký Bảng xác nhận công nợ lập ngày 29/3/2022, thì ông K, bà N2 có trả cho chị N1 01 chai thuốc thủy sản với số tiền 320.000 đồng nên tổng số tiền công nợ ông K, bà N2 còn nợ chị N1 số tiền 117.970.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận tính đến ngày 29/3/2022 ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 còn nợ chị Danh Que Xa N1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản 117.970.000 đồng là sự thật.

[5] Xét lời trình bày của các bị đơn cho rằng trừ số tiền chiết khấu theo hợp đồng thì ông K, bà N2 chỉ còn nợ chị N1 số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản còn lại 58.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày nếu đến cuối vụ khách hàng thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho chị N1 thì chị N1 sẽ chiết khấu một phần tiền cho khách hàng, việc này tự thỏa thuận bằng lời nói, không có thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên ông K, bà N2 không thanh toán nợ cho chị N1 đúng theo hợp đồng, còn nợ một số tiền trên 100 triệu nên chị N1 không chiết khấu tiền cho ông K, bà N2 và trong hợp đồng lập ngày 31/12/2020 cũng không thể hiện nội dung có thỏa thuận về chiết khấu tiền cho bên mua. Theo Điều 91 của Bộ

luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, thì “2) *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.* 4) *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Ngoài lời trình bày của ông K, bà N2, thì ông, bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của ông, bà là còn nợ chị N1 số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, lời trình bày của ông K, bà N2 cho rằng còn nợ chị Na số tiền 58.000.000 đồng là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

[6] Từ những phân tích tại đoạn [4], [5] có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định ông K và bà N2 còn nợ chị N1 tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền 117.970.000 đồng là có cơ sở.

[7] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông K, bà N2 không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là chị N1. Do đó, chị N1 yêu cầu các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ 117.970.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 117.970.000 đồng (một trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 117.970.000 \text{ đồng} = 5.898.500 \text{ đồng}$ (ông Lê Hồng K nộp 2.949.250 đồng, bà Lê Thị Thanh N2 nộp 2.949.250 đồng).

[11] Nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 đối với các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2.

2. Xử buộc các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 117.970.000 đồng (một trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Lê Hồng K và bà Lê Thị Thanh N2 phải chịu 5.898.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ông Lê Hồng K nộp 2.949.250 đồng, bà Lê Thị Thanh N2 nộp 2.949.250 đồng).

3.2. Nguyên đơn chị Danh Que Xa N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Danh Que Xa N1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.949.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001805 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, bị đơn Lê Hồng K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn Lê Thị Thanh N2 vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn